

## Truyền thuyết Kinh Dương Vương

Theo truyền thuyết thì thủy tổ dân tộc ta là Kinh Dương Vương, hiện còn có mộ tại làng An Lữ, Thuận Thành, Hà Bắc.

Nguyên Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh (Hồ Nam, Trung Quốc) đóng lại đó rồi lấy con gái bà Vũ Tiên. Hai người sinh được một người con trai tư chất thông minh tên là Lộc Tục. Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi, làm vua Phương Bắc và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam xưng là Kinh Dương Vương. Kinh Dương Vương làm vua vào khoảng năm Nhâm Tuất (2879 trước Công Nguyên) và lấy con gái Thần Long là vua hồ Ddộng Ddinh sinh được một con trai tên là Sùng Lãm, nối ngôi vua với hiệu Lạc Long Quân. Sau Lạc Long Quân lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ sinh một cái bọc có trăm trứng, trăm trứng nở thành trăm con trai Một ngày, Long Quân nói với Âu Cơ rằng: "Ta là giống Rồng, mình là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, không ở cùng nhau được." Hai người bèn chia con ra mà ở riêng. Năm chục người theo mẹ về núi, năm chục người theo cha về biển, chia nhau thống trị các xứ. Đó là thủy tổ của nhóm Bách Việt. Người trai trưởng trong số các con theo mẹ lên Phong Sơn, được tôn làm vua gọi là Vua Hùng Vương.

## Nước Văn Lang và các Vua Hùng

Theo sử cũ thì nước Văn Lang chia làm 15 bộ:

1. Văn Lang (Bạch Hạc, Vĩnh Phú)
2. Châu Diên (Sơn Tây)
3. Phúc Lộc (Sơn Tây)
4. Tân Hưng (Hưng Hóa - Tuyên Quang)
5. Vũ Định (Thái Nguyên - Cao Bằng)
6. Vũ Ninh (Bắc Ninh)
7. Lục Hải (Lạng Sơn)
8. Ninh Hải (Quảng Yên)
9. Dương Tuyền (Hải Dương)
10. Giao Chỉ (Hà Nội - Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình)
11. Cửu Chân (Thanh Hóa)
12. Hoài Hoan (Nghệ An)
13. Cửu Đức (Hà Tĩnh)
14. Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị)
15. Bình Văn

Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Vĩnh Phú) đặt tướng văn là Lạc Hầu, tướng võ Lạc Tướng, con trai vua gọi là Quan Lang, con gái vua gọi là My Nương. Các quan nhỏ gọi là Bô Chính.

Thuở ấy người Văn Lang lấy vỏ cây làm áo, bện cỏ làm chiếu, lấy nước nhựa cây làm rượu, lấy bột cây quang lang làm cơm (là cây đao, có mình to như cây cọ, thân cây có bột ăn được), lấy cầm thú ngư trùng làm mắm, lấy rễ gừng làm muối. Cây bằng đao, cắt bằng lửa, làm cơm nếp bằng ống tre, gác cây làm nhà sàn, cắt ngắn tóc để đi trong rừng cho tiện. Khi có người chết thì lấy cối chày không ra mà giã để báo tin cho hàng xóm. Trai gái lấy nhau chưa biết dùng trâu cày mà lấy phong muối làm đầu.

Đời Hùng Vương thứ nhất, người nước Văn Lang làm nghề chài lưới, cứ hay bị thường luồng làm hại, vua mới bắt dân lấy chàm vẽ mình để thú dữ cứ tưởng đồng loại không làm hại nữa.

Theo sử cũ chèo thuyền của dân ta ở đàng mũi hay là hai con mắt, để thủy quái ở sông, bề nhìn thấy mà sợ...

Thông qua những truyền thuyết trong 15 bộ lạc trên, bộ lạc Văn Lang mạnh nhất. Bộ lạc này có vị thủ lĩnh, tài ba, thu phục được các bộ lạc khác và trở thành thủ lĩnh, liên minh các bộ lạc rồi chuyển thành người cầm đầu cả 15 bộ lạc. Vị thủ lĩnh đó gọi là vua Hùng, cha truyền con nối.

Cả nước hời đó chia ra 15 bộ.. Dứng đầu mỗi bộ là lạc tướng, cũng cha truyền con nối Dưới bộ là các công xã nông thôn, đứng đầu là bô chính (già làng). Mỗi công xã có một ngôi nhà chung để làm nơi hội họp và sinh hoạt văn hoá, tín ngưỡng.

Chính phủ Văn Lang của các vua Hùng đơn giản, mới hình thành nhưng đã được lòng người Từ tình cảm cộng đồng đến ý thức cộng đồng. Họ bước đầu hiểu được mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người, thấy được sức mạnh của cộng đồng trong việc làm thủy lợi, trao đổi sản phẩm, và đấu tranh giữ gìn làng bản, đất nước.

Trong thời vua Hùng có hai truyền thuyết được rộng rãi lưu truyền trong dân gian thể hiện tinh thần này đó là "Phù Đổng Thiên Vương" và "Sơn Tinh Thủy Tinh".

## Nước Âu Lạc và nhà Thục

Theo truyền thuyết và sử cũ thì An Dương Vương tên là Thục Phán là cháu vua nước Thục. Nước Thục này là một bộ tộc đã tới vùng Bắc Bộ từ lâu, sống xen kẽ với người Lạc Việt và người Thái, được gọi là người Âu Việt. Chuyện xưa kể lại rằng: Vua Hùng Vương có người con gái nhan sắc tuyệt vời tên là Mỵ Nương. Vua nước Thục nghe tin, sai sứ sang cầu hôn. Vua Hùng Vương muốn gả nhưng Lạc Hầu can rằng: Thục muốn lấy nước ta, chỉ mượn tiếng cầu hôn đó thôi. Không lấy được Mỵ Nương, Thục Vương căm giận, di chúc cho con cháu đời sau thế nào cũng phải diệt nước Văn Lang của vua Hùng. Đến đời cháu là Thục Phán mấy lần đem quân sang đánh nước Văn Lang. Nhưng Vua Hùng Vương có tướng sĩ giỏi, đã đánh bại quân Thục. Vua Hùng Vương tự ngạo nói: ta có sức thần, nước Thục không sợ hay sao. Bèn chỉ lo say sưa yến tiệc không lo việc quân chinh. Vì thế, khi quân Thục đánh lại, vua Hùng còn trong cơn say. Quân Thục đến gần, vua Hùng trở tay không kịp phải bỏ chạy rồi nhảy xuống sông tự tử. Tướng sĩ đầu hàng. Thế là nước Văn Lang mất.

Năm Giáp Thìn (257 trước công nguyên), Thục Phán dẹp yên mọi bề, xưng là An Dương Vương, cải quốc hiệu là Âu Lạc, (tên hai nước Âu Việt và Lạc Việt ghép lại) đóng đô ở Phong Châu (Bạch Hạc, Vĩnh Phú).

## An Dương Vương Dẹp Tần

Khi An Dương Vương làm vua nước Âu Lạc thì Doanh Chính nước Tần đã kết thúc mọi hỗn chiến đời Chiến Quốc, thống nhất nước Trung Hoa, lập nên một triều đại lớn mạnh. Để thỏa tham vọng mở mang lãnh thổ, Doanh Chính huy động lực lượng to lớn phát động cuộc chiến tranh xâm lược Bách Việt.

Năm 218 trước công nguyên, Doanh Chính huy động 50 vạn quân chia làm 5 đạo đi chinh phục Bách Việt. Để tiến xuống miền Nam, đi sâu vào đất Việt, đạo quân thứ nhất của quân Tần phải đào con kênh nối sông Lương (vùng An Hưng, Trung Quốc ngày nay) để chở lương thực. Nhờ vậy đạo quân chủ lực của quân Tần do viên tướng lừng danh Đồ Thư thống lĩnh vào được đất Lạc Việt. Nhân dân Lạc Việt biết không thể đương nổi quân Tần nên bỏ vào rừng để bảo toàn lực lượng. Thục Phán được các lạc tướng suy tôn là lãnh tụ chung chỉ huy cuộc nổi dậy. Bởi vậy, khi Đồ Thư đem quân tiến sâu vào Lạc Việt, chúng gặp khó khăn chồng chất. Quân địch tiến đến đâu, người Việt làm vườn không nhà trống và trốn vào rừng đến đó. Chẳng mấy chốc, quân Tần đã mệt mỏi, chán nản và khổ sở vì thiếu lương thực, khí hậu độc địa. Lúc đó, người Việt, do Thục Phán làm tướng mới bắt đầu xuất trận. Chính chủ tướng Đồ Thư trong một trận giáp chiến đã bị bắn hạ, mất chủ tướng, quân địch hoang mang mở đường máu tháo chạy về nước. Như vậy sau gần 10 năm lãnh đạo nhân dân Âu Việt - Lạc Việt chống quân Tần thắng lợi. Thục Phán đã thực sự nắm trọn uy quyền tuyệt đối cả về quân sự lẫn về chính trị. Uy tín của Thục Vương càng được củng cố. Từ vị trí đó, Thục Vương có điều kiện thi thố tài năng, dựng nước Âu Lạc hùng mạnh.

## Thục An Dương Vương xây thành Cổ Loa

Sau chiến công vĩ đại đánh thắng 50 vạn quân xâm lược nhà Tần, Thục Dương Vương quyết định xây thành Cổ Loa.

Tục truyền rằng Thục An Dương Vương xây thành nhiều lần nhưng đều đổ. Sau nhờ có thần Kim Quy hiện lên, bò quanh nhiều vòng dưới chân thành, Thục An Dương Vương bèn cho xây theo dấu chân rùa vàng. Từ đó, thành xây không đổ nữa. Sự thực về truyền thuyết đó ra sao chúng ta vẫn không biết.

Thời đó, tổ tiên chưa có gạch nung, vì vậy thành Cổ Loa được xây bằng đất ở chính địa phương. Thành có 9 vòng. Chu vi vòng ngoài 8 km, vòng giữa 6.5 km, vòng trong 1.6 km. Diện tích thành trung tâm lên tới 2 km vuông. Thành được xây theo phương pháp đào đất đến đâu, khoét hào đến đó, thành đắp đến đâu, lũy xây đến đó. Mặt ngoài lũy, dốc thẳng đứng, mặt trong xoải để đánh vào thì khó, trong đánh ra thì dễ. Lũy cao trung bình từ 4-5m, có chỗ 8-12m. Chân lũy rộng 20-30m, mặt lũy rộng 6-12m. Khối lượng đất đào đắp ước tính tới 2.2 triệu mét khối. Xem vậy công trình Cổ Loa thật đồ sộ, trong khi khu vực Cổ Loa được coi là một nền đất yếu. Chính vì vậy, việc xây dựng thành Cổ Loa cực kỳ khó khăn. Thành bị đổ nhiều lần. Nhưng điều đáng tự hào là cuối cùng thành đã đứng vững. Thục An Dương Vương đã biết dựa vào những kinh nghiệm thực tế để gia cố nền móng khắc phục khó khăn. Vết chân rùa thần chính là bí mật đã được tổ tiên khám phá. Ngày nay, khi xê dọc thành để nghiên cứu, các nhà khảo cổ học thấy rõ chân thành được chèn một lớp đá tảng. Hòn nhỏ có đường kính 15cm, hòn lớn 60cm. Cần bao nhiêu đá để mà xây thành một công trình như vậy thật là không đếm nổi.

Thành Cổ Loa không chỉ là một công trình to lớn và lâu đời nhất của dân tộc mà còn là công trình để bảo vệ sự an nguy của quân sự. Xung quanh Cổ Loa, một mạng lưới thủy văn dày đặc, tạo thành một vùng khép kín, thuận lợi cho việc xây dựng một căn cứ thủy binh hùng mạnh. Thử nghĩ, sông Thiếp-Ngũ-Huyền Khê-Hoàng Giang thông với sông Cầu ở Thổ Hà, Quả Cảm (Hà Bắc) thông với sông Hồng ở Vĩnh Thanh (Đông Anh). Bởi vậy, ngay sau khi xây thành, Thục An Dương Vương đã chiêu tập những thợ mộc giỏi, sử dụng gỗ ở địa phương đóng thuyền chiến. Với thuật đi sông vượt bể là sở trường của người Lạc Việt, chẳng bao lâu, các đầm phá quanh thành Cổ Loa biến thành thủy quân cảng. Rồi dân được điều tới khai phá vùng rừng đa (Gia Lâm), rừng mương (Mai Lâm), rừng dâu da (Đu Lâm), thành ruộng. Những hiệp thợ chuyên rèn vũ khí xuất hiện. Một bên là côn, kiếm, đao, mác đủ loại, bàn tay sáng tạo của cha ông đã chế tạo nỏ liên châu, mỗi phát bắn ra hàng chục mũi tên. Cũng tại Cổ Loa, kỹ thuật đúc đồng cổ đã được vua Thục khuyến khích. Hàng chục ngàn mũi tên đồng, những mũi tên lợi hại, có độ chính xác cao, kỹ thuật tinh vi, dùng cho nỏ liên châu đã được bàn tay thợ tài ba sản xuất.

Với vị trí thuận lợi đó, với cái sắp xếp thành có 9 lớp xoáy tròn ốc, 18 ụ gò cao nhô hẳn ra chân lũy để có thể từ cao bắn xuống, và vũ khí nỏ thần và những mũi tên đồng lợi hại, sức mạnh quân sự tổng hợp của Cổ Loa thời đó thật đáng sợ.

Thành Cổ Loa là sự đúc kết tuyệt vời về trí tuệ của cha ông, là công trình sáng tạo vĩ đại của dân Việt.

## An Dương Vương và truyền thuyết nỏ thần

Nhà Tần suy yếu, xã hội Trung Quốc bước vào thời kỳ loạn lạc. Ở các nơi, các nhóm phong kiến nổi lên tranh giành ngôi thứ, đánh lẫn nhau. Ở Nam Hải (Quảng Đông) có quan úy là Nhâm Ngao muốn đem quân đánh chiếm nước Âu Lạc của Thục An Dương Vương. Nhưng âm mưu đó chưa thực hiện được thì Nhâm Ngao chết. Khi sắp nhắm mắt, Nhâm Ngao giao binh quyền lại cho Triệu Đà thay mình làm quan úy quận Nam Hải. Bao phen Triệu Đà huy động binh mã, toan chiếm lấy Âu Lạc nhưng đều thất bại, vì An Dương Vương có thành Cổ Loa kiên cố, lại có nỏ thần Liên Châu lợi hại nên quân Triệu Đà đông và mạnh vẫn phải kinh hoàng nhìn quân mình phơi xác dưới chân thành Âu Lạc. Triệu Đà dùng mưu giả hòa hiếu, cho con trai là Trọng Thủy sang làm rể An Dương Vương để mưu phá nỏ thần.

Trong những ngày đi lại để giả kết tình hòa hiếu Trọng Thủy được gặp My Châu có nhan sắc tuyệt vời. Trọng Thủy đem lòng yêu nàng. Nàng cũng dần dần tha thiết yêu chàng. Hai người quấn quýt bên nhau, không chỗ nào trong Loa Thành mà My Châu không dẫn người yêu mình đến xem. An Dương Vương thấy đôi trẻ yêu nhau nên rất mừng, liền gả My Châu cho Trọng Thủy.

Một lần, trong lúc tâm tình, Trọng Thủy dò hỏi đến nỏ Liên Châu. My Châu chân thành giải đáp và dẫn chàng đến xem tận mắt. Trọng Thủy chăm chú nghe, nhìn khuôn khổ cái nỏ hồi lâu rồi đưa cho vợ cất đi. Sau đó Trọng Thủy về thăm cha thuật lại mọi chuyện kể cả cách chế tạo nỏ Liên Châu. Lợi dụng mối tình trong trắng thiết tha của My Châu và sự mất cảnh giác của An Dương Vương, cha con Triệu Đà đã nắm được bí mật của Thành Cổ Loa và chế tạo hàng loạt nỏ Liên Châu, chuẩn bị cho quân mình rồi đánh chiếm Âu Lạc.

An Dương Vương ý mình có vũ khí lợi hại nên chủ quan không phòng bị. Vì vậy, khi Triệu Đà trong tay đã có nỏ Liên Châu đem quân ồ ạt đánh bại Âu Lạc.

Từ mối tình trong trắng bị lợi dụng của My Châu đã dẫn đến kết cục bi thảm. Năm 208 trước công nguyên, Triệu Đà chiếm được nước Âu Lạc.

## Thục An Dương Vương Bãi Chức Tướng Quân Cao Lỗ

Chuyện xưa kể rằng:

Một lần Thục An Dương Vương hỏi tướng quân Cao Lỗ, người thiết kế và chỉ huy công trình xây thành Cổ Loa:

- Mấy năm nay nhà Triệu với Âu Lạc giao hảo thuận hòa Nay con trai họ là Trọng Thủy muốn cầu hôn với My Châu, ông nghĩ thế nào Riêng ta muốn chấp thuận lời cầu hôn cốt để hòa hiếu, tránh nạn binh đao.

Cao Lỗ suy nghĩ hồi lâu rồi tâu:

- Việc này hệ trọng lắm, xin Vương thượng cho nghĩ ba ngày.

Về nhà, Cao Lỗ suy nghĩ băn khoăn lắm. Ý vua An Dương Vương đã rõ, nếu không chấp thuận có thể bị bãi chức. Nếu đồng tình thì vận nước có cơ nguy

Mấy hôm sau, vào chầu vua, Cao Lỗ tâu:

- Xưa nay chưa thấy kẻ bại trận lại xin cho con trai ở gởi rể. Chẳng qua họ muốn biết cách bảo vệ đất nước của Loa Thành mà thôi Việc ngàn lần không nên.

Thục An Dương Vương bỗng nổi giận:

- Nhà Triệu đánh mãi Âu Lạc không thắng, muốn mượn chuyện cầu hôn để xí xóa hiềm khích, ta lẽ nào không thuận? Ông già rồi, ta cho ông về nghỉ.

Cao Lỗ không ngạc nhiên. Vốn điềm đạm, ông chỉ nói:

- Việc đúng sai còn có vầng nhật nguyệt soi sáng, thần không ân hận khi nói điều phải.

Vì không nghe lời can của Cao Lỗ, An Dương Vương đã mắc mưu giặc khiến cho vận nước tan tành.

Lấy được nước Âu Lạc, nhà Triệu sát nhập quận Nam Hải với Âu Lạc thành nước Nam Việt.

Vốn là người quý quyết, lại rút được nhiều kinh nghiệm trong việc thống trị người Nam Việt, cho nên Triệu Đà đã áp dụng chính sách hiểm độc gọi là "Dĩ di công di", tức là chính sách dùng người Việt trị người Việt. Triệu Đà vẫn giữ nguyên quyền vị cho các lạc tướng, dùng họ để cai trị nhân dân Âu Lạc.

Triệu Đà chỉ đặt một số ít quan lại và một số quân đồn thú để kiểm chế các lạc tướng và đốc thúc họ nộp phú cống, mục tiêu chủ yếu của cuộc xâm lược lúc đó.

## **Nhà Triệu và Nước Âu Lạc** (Năm 207-111 trước Công Nguyên)

Nhà Triệu được lập từ năm 207, đến năm 111 trước công nguyên thì bị nhà Tây Hán thôn tính, trải qua 5 đời vua:

- Triệu Vũ Vương (207-137 trước công nguyên)
- Triệu Văn Vương (137-125 trước công nguyên)
- Triệu Minh Vương (125-113 trước công nguyên)
- Triệu Ai Vương (113-112 trước công nguyên)
- Triệu Dương Vương (112-111 trước công nguyên)

Năm 111 trước công nguyên nhà Triệu mới mất nhưng từ năm 113 nội tình nhà Triệu đã rất rối ren. Lúc đó, vua nhà Hán cho An Quốc Thiếu Quý sang dụ Nam Việt về châu Thiếu Quý nguyên là tình nhân của Cù Thị (hoàng hậu của vua Minh Vương) nên họ tư thông với nhau dụ dỗ Triệu Ai Vương dâng nước Nam Việt cho nhà Hán. Việc làm đó bị tể tướng Lữ Gia phát hiện. Lữ Gia đã truyền hịch đi mọi nơi nói rõ sự thật rồi cùng một số đại thần đem quân cầm binh vào giết chết sứ nhà Hán, Cù Thị và vua Ai Vương, tôn Kiến Đức, con trưởng của Minh Vương lên làm vua, hiệu là Triệu Dương Vương. Dương Vương làm vua được một năm thì bị vua Vũ Đế nhà Hán sai phục ba tướng quân Lộ Bác Đức và Dương Bộc đem 5 đạo binh sang đánh lấy Nam Việt. Tể Tướng Lữ Gia chống không nổi bèn đem vua Dương Vương chạy trốn. Quân Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại Nhà Hán thôn tính nước Nam Việt, đổi là Giao Chỉ bộ...

**Giao Chỉ và nhà Tây Hán**  
(111 trước công nguyên-39 sau công nguyên)

Nhà Hán chia Giao Chỉ bộ ra làm 9 quận:

Nam Hải (Quảng Đông)  
Thượng Ngô (Quảng Tây)  
Uất Lâm (Quảng Tây)  
Hợp Phố (Quảng Đông)  
Giao Chỉ (Bắc Bộ)  
Cửu Chân (Thanh Hóa)  
Nhật Nam (Nghệ Tĩnh)  
Châu Nhai (Đảo Hải Nam)  
Đạm Nhĩ (Đảo Hải Nam)

Nhà Hán đặt mỗi quận một viên thái thú trông coi mọi việc trong quận và viên thứ sử giám sát các quận. Ở Giao Chỉ các lạc tướng, lạc hầu vẫn được giữ nguyên và được cha truyền con nối như trước.

Đã có nhiều viên thái thú đến cai trị các quận thuộc Âu Lạc, nhưng sách xưa nói nhiều đến Tích Quang, thái thú quận Giao Chỉ và Nhâm Diên, thái thú Quận Cửu Chân. Những viên quan này có công trong việc khai hóa, dạy dân làm điều nhân nghĩa Đến năm Giáp Ngọ (34) vua Quang Vũ nhà Hán sai Tô Định sang làm thái thú quận Giao Chỉ. Dưới ách đô hộ của Tô Định, gánh nặng thuế khóa và cống nạp đè lên vai người dân Giao Chỉ Ở miền rừng núi người dân phải đi tìm chim thú lạ để cống nạp. Ở miền biển, nhiều người đã mất xác vì phải đi mò tìm đồi mồi, ngọc châu Bọn người Trung Nguyên kéo vào ruộng nương, ý quyền lực của quận trị, đô úy trị cướp đoạt mất tất cả những nơi màu mỡ nhất của ruộng vườn. Khắp Giao Chỉ phải gánh chịu cảnh hãm hại, hà hiếp, giết chóc dân lành.

## Hai Bà Trưng Khởi Nghiệp

May mắn thay, đến những năm đầu công nguyên từ miền đất Mê Linh đã xuất hiện hai người con gái kiệt xuất Trưng Trắc và Trưng Nhị và ở Chu Diên là chàng trai Thi Sách dũng mãnh. Bởi vậy, mùa xuân năm 40, khi mùa săn ở Mê Linh bắt đầu, quan lạc tướng Chu Diên đã cho con trai là Thi Sách dẫn theo một toán thân binh tới Mê Linh để kết thân với họ Trưng. Ý quan lạc tướng Chu Diên đã rõ, hai miền đất Mê Linh và Chu Diên liên kết với nhau thì chẳng phải chỉ tốt lành cho chuyện nhân duyên của đôi trẻ Thi Sách-Trưng Trắc mà sức mạnh của người Việt sẽ được nhân lên. Sức mạnh đó có thể xoay chuyển tình thế, lật đổ ách đô hộ của nhà Hán, khôi phục lại nước cũ của người Việt. Ít lâu sau, trong niềm hoan hỉ của mọi người, Trưng Trắc đã cùng Thi Sách kết nghĩa vợ chồng. Hôn lễ vẫn theo đúng lệ cũ của người Việt: vợ chồng tuy thành thân nhưng người nào vẫn ở lại đất cũ của người ấy

Tô Định giật mình trước cuộc hôn nhân của nữ chủ đất Mê Linh với con trai lạc tướng Chu Diên. Bởi hẳn biết rõ rằng sau cuộc hôn lễ là sự liên kết thế lực giữa hai miền đất lớn của người Việt. Sự liên kết ấy đang nhân bội sức mạnh chốn lại nền đô hộ của nhà Hán. Linh cảm thấy trước một cuộc biến sẽ xảy ra mà cội nguồn của nó từ đất Mê Linh. Tô Định hoảng hốt tìm cách triệt phá vây cánh của Trưng Trắc bằng cách đem đại binh đột ngột kéo về Chu Diên, bắt giết Thi Sách, xem như đòn trấn áp phủ đầu của hắn.

Tin dữ từ Chu Diên tới khiến Trưng Trắc đau đớn. Rồi ngay sau đó, Trưng Trắc ra lệnh nổi trống đồng họp binh quyết trả thù cho chồng, rửa nhục cho nước. Nghe tiếng trống âm ào nổi lên, dân Mê Linh cung nỏ, dao búa, khiên mộc, giáp lao trong tay cuộn cuộc đồ về nhà làng. Trên bành voi cao, nữ chủ tướng Mê Linh mặc giáp' phục rực rỡ. Dân Mê Linh thấy chủ tướng đẹp đẽ, oai phong lẫm liệt thì hò reo dậy đất, ào ào bám chân voi, theo chủ tướng mà xốc tới. Trước khí thế ngút trời của đoàn quân khởi nghĩa, tòa đô úy trị của nhà Hán trên đất Mê Linh phút chốc đã tan tành. Dân Mê Linh đập bằng dinh lũy giặc tiến xuống Luy Lâu. Trong đoàn quân trẩy đi phá quận trị Giao Chỉ của nhà Hán, ngày càng có thêm nhiều đoàn quân từ các nơi đổ về. Thành Luy Lâu cũng không đương nổi cuộc công phá cu/a một biển người ào ào xung xất, dũng mãnh theo hiệu trống đồng của Trưng Trắc, Trưng Nhị.. Tô Định kinh hoàng cao chạy xa bay về Nam Hải chịu tội với vua Hán. Nổi vui mừng quá lớn khiến cho người dân Việt nhiều đêm liền không ngủ. Trải qua hàng chục đời, nay đất nước của vua Hùng mới được khôi phục, nợ nước thù nhà của chủ tướng Mê Linh đã được trả. Trai gái riu đồng, giáo sắc nắm chắc trong tay, những chiếc lông chim cắm ngất ngưỡng trên đầu, bộ áo lông chim xòe rộng theo nhịp trống đồng dồn dập như không bao giờ dứt. Tin thắng trận bay đi Các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố cũng nổi lên theo về với Hai Bà Trưng.

Đất nước sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng được cả nước tôn lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh. Những nữ thủ lĩnh, nữ nam được phong các chức tướng lĩnh rồi người nào trở về đất ấy đốc sức cùng dân xây cuộc đời mới.

## **Dòng Sông Hát**

Trung nữ vương quyết định miễn hãn thuế khóa cho thiên hạ trong hai năm.

Năm Tân Sửu (41), vua Hán sai Mã Viện làm tướng quân, Lưu Long làm phó tướng cùng với quan lâu thuyền tướng quân là Đoàn Chí đem 20 vạn tinh binh kéo sang Trung Vương.

Một trận quyết chiến tối sầm cả trời đất giữa 20 vạn quân của Mã Viện với dân binh các làng chạ do Trung Vương thống suất đã diễn ra ở Lăng Bạc. Quân Mã Viện đóng trên các triền đất cao giữa vùng Lăng Bạc lấy lợi chuẩn bị tiến công Mê Linh thì bị Trung Vương đem quân tới chặn đánh. Hơn một vạn người Việt đã ngã xuống trong trận đánh bất lợi này. Trung Vương thu quân về giữ Cẩm Khê. Mã Viện lại kéo tới, một loạt trận huyết chiến nữa lại nổ ra, máu chảy đỏ cả sông Hồng, sông Đáy. Hơn hai vạn người Việt nữa lại bỏ mạng. Trận địa chính chống lại cuộc đàn áp dã man của Mã Viện là 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân, tổng số dân chỉ có 91 vạn người có cả người già trẻ. Trong mấy trận đánh, hơn 4 vạn người Việt đã bị giết và bị bắt. Quyết chống giặc đến cùng, sức của người Việt hầu như dốc cạn. Trong trận đánh cuối cùng, sau khi phóng những ngọc lao và bắn những mũi tên cuối cùng, Trưng Trắc, Trưng Nhị đã gieo mình xuống dòng Hát Giang. Đó là ngày mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão.

## Nhà Đông Hán

Mã Viện đánh được Trưng Vương đem đất Giao Chỉ sát nhập vào nhà Đông Hán rồi chinh đồn binh lương, đem quân đi đánh đến đâu thì xây thành đắp lũy đến đó. Mã Viện còn cho xây cây đồng trụ ở biên giới và khắc sáu chữ, "Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt." (Cây đồng trụ mà đổ thì người Giao Chỉ mất rồi) Người Giao Chỉ đi qua chỗ đó, ai cũng phải bỏ vào chân cột đồng một hòn đá. Về sau này thành gò đá nhưng đến nay không còn biết cột đó ở đâu.

Cũng như nhà Tây Hán, nhà Đông Hán gom miền đất Âu Lạc cũ thành Châu Giao gồm 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam và khoảng 50 huyện. Đứng đầu châu vẫn là thứ sử từ Trung Quốc cử sang. Thứ sử có quyền cả đặt quan lại và điều động quân lính ở trong châu đó. Ở mỗi quận có chức thái thú cũng là người Hán. Dưới quận là các huyện. Còn chế độ lạc tướng cha truyền con nối ở huyện bị bãi bỏ. Thay cho các lạc tướng Việt là những tên người Hán. Luật cũ của dân Việt bị bãi bỏ. Dân ta phải theo luật của người Hán. Chính quyền đô hộ ra sức đưa dân Hán sang ở chung với người Việt để đồng hóa Họ bắt dân Việt phải học chữ Hán và tiếng Hán, truyền bá tư tưởng, "thần phục thiên tử," "quy phục thiên triều".

Hàng năm dân ta phải cống nộp sản phẩm quý như: sừng tê giác, ngà voi, gỗ trầm hương, ngọc trai, đồi mồi, san hô, kể cả hoa quả quý như vải, nhãn, dứa... Rồi có cả những thợ thủ công tài ba cũng bị trở thành hàng cống nộp.

Sử của Sĩ Nhiếp có viết rằng mỗi năm thu hàng ngàn tấm vải cát bá, hàng trăm ngựa và nhiều thứ lâm thổ sản quý khác. Tôn Tư đã bắt hàng ngàn thợ thủ công có tài, khéo léo, tinh xảo sang xây dựng kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh).

## Truyện Trương Trọng

Trương Trọng, người quận Nhật Nam (Quảng Nam), nhờ biết chữ giỏi cho nên được viên thái thú Nhật Nam lấy vào làm thuộc lại trong quận.

Cuối năm 78, theo tục lệ nhà Hán, Trương Trọng được viên thái thú cử sang kinh đô Lạc Dương (Hà Nam) để tâu trình công việc trong quận lên cho vua Hán.

Hán Minh Đế thấy Trương Trọng người thấp bé lại là dân "man di" bèn hỏi xóc:

- Viên tiểu lại kia người quận nào

Trương Trọng trong lòng khó chịu nhưng điềm tĩnh đáp:

- Tôi là người thay mặt thái thú quận Nhật Nam vào châu vua chứ không phải là một viên tiểu lại Bộ hạ muốn dùng người tài cán hay chỉ muốn đo xương thịt?

Bất ngờ bị đối thủ trả lời cứng cỏi lại đứng đắn, vua Hán giận lắm nhưng không làm gì được.

Mấy ngày sau, tết Nguyên Đán, vua mở yến tiệc, thì nhận thấy trong số các quan vào chúc Tết có Trương Trọng, vua Hán muốn rửa nhục bữa trước bèn hỏi Trương Trọng:

- "Nhật Nam" có nghĩa là "phương Nam mặt trời" Ta nghe nói tất cả các nhà cửa của xứ ấy đều quay về phương Bắc để trông thấy mặt trời đó phải không?

Thấy vua Hán kiêu ngạo tự ví mình là mặt trời, bắt mọi người phải ngưỡng mộ sùng bái, Trương Trọng quyết trả miếng. Bởi vậy, trước trăm quan, Trương Trọng chậm rãi đáp:

- "Nhật Nam" không phải là mặt trời phương Nam. Một bậc nho không ai hiểu như thế. Đất Trung Nguyên (Trung Quốc) có quận gọi là Vân Trung nhưng quận ấy có ở trong mây đâu ? Có quận gọi là "Kim Thành" nhưng có phải thành xây dựng bằng vàng đâu ? Tên được đặt như vậy nhưng thực ra không phải vậy. Thêm nữa, ở nơi nào thì mặt trời cũng đều mọc đằng đông, kẻ vô học cũng biết chuyện đó. Còn ở xứ Nhật Nam, không ai xoay nhà về phương Bắc để trông thấy mặt trời. Ngược lại "lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam" là tục lệ của dân Nhật Nam. Không ai thay đổi tục lệ đó.

Vua Hán và quần thần ngây người trước câu đối đáp rắn rỏi, mạnh mẽ của viên sứ thần có tầm vóc bé nhỏ mà trí tuệ thì bao la. Về sau Trương Trọng được vua Hán cho làm thái thú quận Kim Thành.

## **Lý Tiến và Lý Cầm phá lệ**

Các triều đại phong kiến Trung Quốc phần lớn tự xem mình là "Thiên tử" coi dân Việt là "man rợ" nên người Việt dù có học hành thông thái đến đâu cũng không được trọng dụng (ngoài trường hợp của Trương Trọng). Cho đến đời vua Linh Đế (168-189) cuối nhà Đông Hán, mới có người Việt học giỏi được cất nhắc làm thái thú quận Giao Chỉ. Lý Tiến dâng sớ xin cho người Giao Chỉ được bổ đi làm quan bất kỳ quận nào, kể cả ở Trung Nguyên. Nhưng vua Hán chỉ cho những người đậu Mậu Tài hoặc Hiếu Liêm được làm quan trong xứ mà thôi. Lúc đó có người Giao Chỉ tên là Lý Cầm, làm lính vệ trong cung, khẩn thiết xin vua Hán bãi bỏ lệnh đó. Cuối cùng, vua Hán mới cử một người Giao Chỉ đậu Mậu Tài đi làm quan lệnh ở Hạ Dương và một người đậu Hiếu Liêm làm quan ở Lục Hợp.

Trên thực tế, đất Âu Lạc từng có người đỗ Mậu Tài, Hiếu Liêm, làm quan nhà Hán. Vì vậy quan điểm của các nhà sử học Trung Quốc cho rằng đất Giao Chỉ từ khi Sĩ Nhiếp (187-226) sang làm thái thú văn hóa mới phát triển nền giáo dục mới được mở mang là không đúng.

### **Nhà Đông Ngô (222-280)**

Nhà Đông Hán mất, nước Trung Quốc bị phân chia làm 3 nước: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô. Đất Giao Châu lúc đó thuộc về Đông Ngô Nhà Đông Ngô vẫn cho Sĩ Nhiếp làm thái thú.

Năm 926 (Bính Ngọ), Sĩ Nhiếp mất, con là Sĩ Huy tự xưng là thái thú. Ngô chủ là Tôn Quyền chia Giao Châu từ Hợp Phố về Bắc gọi là Quảng Châu, từ Hợp Phố về Nam gọi là Giao Châu, rồi sai Lữ Đại làm thứ sử Quảng Châu, Đái Lương làm thứ sử Giao Châu và Trần Thì thay Sĩ Huy làm thái thú quận Giao Chỉ. Đại Lương và Trần thì sang Hợp Phố thì bị Sĩ Huy đem quân ra chống giữ. Thứ sử Quảng Châu, Lữ Đại, một mặt đem binh đi đánh dẹp, mặt khác cho người dụ hàng Sĩ Huy Sĩ Huy đem 5 anh em ra hàng liền bị Lữ Đại bắt giết. Tôn Quyền lại Hợp Quảng Châu và Giao Châu thành một và phong cho Lữ Đại làm thứ sử.

## Cuộc Khởi Nghĩa của Triệu Thị Trinh (248)

Bà Triệu, tên là Triệu Trinh Nương hay Triệu Thị Trinh, được gọi là nữ anh hùng của dân tộc từ đầu thế kỷ thứ III Bà là em gái Triệu Quốc Đạt, một hào trưởng lớn ở miền núi Quán Yên, quận Cửu Chân (Thanh Hóa). Bà là người có sức khỏe, gan dạ và mưu trí. Năm 19 tuổi, bà cùng người anh tập hợp nghĩa quân, lập căn cứ Phú Điền (Hậu Lộc-Thanh Hóa). Đây là một thung lũng ở giữa hai núi đá vôi, vừa gần biển lại vừa là cửa ngõ từ đồng bằng vào Lúc đầu anh bà có ý can ngăn lo phận gái khó đảm đang trọng trách. Bà trả lời:

- Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp bằng sóng dữ, chém cá tròng kính ở biển Đông, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ không thèm cúi đầu, còng lưng để làm tì thiếp người

Vì mến mộ Bà, nghĩa quân ngày đêm mài gươm luyện võ chờ ngày nổi dậy:

*"Ru con con ngủ cho lành  
Để mẹ gánh nước rửa bành cho voi  
Muốn coi lên núi mà coi  
Coi bà Triệu Ấu cười voi đánh công."*

Năm Mậu Thìn (248) nghĩa quân bắt đầu tấn công quân Ngô Các thành ấp của quân Ngô đều bị đánh phá tan tành. Quan lại cai trị kẻ bị giết, người chạy trốn. Từ Cửu Chân, cuộc khởi nghĩa lan rộng nhanh chóng. Thứ sử Giao Châu hoảng sợ bỏ chạy mất tích. Sử Ngô phải viết: "Toàn thể Giao Châu chấn động".

Mỗi lần ra trận, Triệu Thị Trinh thường mặc áo giáp đồng, đi guốc ngà, cài trâm vàng, cưỡi voi dẫn quân xông trận, oai phong lẫm liệt. Quân Ngô khiếp sợ đã phải thốt lên: "Vung giáo chống hổ dễ, Giáp mặt vua Bà Khó."

Tin khởi nghĩa ở Cửu Chân và thứ sử Châu Giao mất tích, vua Ngô hốt hoảng phái ngay Lục Dận, một tướng từng trải qua bao trận mạc, lại rất quý quyết sang làm thứ sử. Lục Dận đem thêm 8000 quân tinh nhuệ sang đàn áp. Lục Dận vừa đánh mạnh vừa đem của cải chức tước ra dụ dỗ mua chuộc các thủ lĩnh người Việt. Một số bị giao động mắc mưu Dù vậy, Bà Triệu vẫn kiên cường đánh nhau với giặc không nao núng. Sau 6 tháng chống chọi và có kẻ phải bội, bà đã bỏ mạng trên núi Tùng (Hậu Lộc-Thanh Hóa). Bà chỉ mới 23 tuổi

Vua Lý Nam Đế sau này khen và là người trung dũng, và sai lập miếu thờ, phong là: "Bật chính anh liệt hùng tài trinh nhất phu nhân." Đền thờ đó nay ở Phú Điền-Thanh Hóa.

## Nhà Tiền Lý (544-602)

Đẹp yên cuộc khởi nghĩa của Triệu Thị Trinh, nhà Ngô lấy đất Nam Hải, Thượng Ngô và Uất Lâm làm Quảng Châu, đặt châu trị ở Phiên Ngung, lấy đất Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam làm Giao Châu, đặt Châu trị ở Long Biên (Bắc Ninh). Đất Nam Việt của nhà Triệu ngày trước thành ra Giao Châu và Quảng Châu từ đó.

Năm Ất Dậu(265), nhà Tấn đánh bại Ngụy, Thục, Ngô, đất Giao Châu lại thuộc về nhà Tấn. Nhà Tấn phong cho họ hàng ra trấn trị các nơi, nhưng các thân vương cứ dấy binh giết nhau, làm cho anh em cốt nhục tương tàn. Nước Tấn nhanh chóng suy yếu Nhân cơ hội đó, các nước Triệu, nước Tần, nước Yên, nước Lương, nước Hạ, nước Hán... nổi lên chiếm lấy cả vùng phía Bắc sông Trường Giang. Nhà Tấn chỉ còn vùng đất ở Đông Nam, phải dời đô về Kiến Nghiệp (Nam Kinh ngày nay) gọi là nhà Đông Tấn.

Năm Canh Thân (420), Lư Du cướp ngôi nhà Đông Tấn, lập ra nhà Tống ở phía Nam. Nước Trung Quốc phân ra làm Nam Triều và Bắc Triều Bắc Triều có nhà Ngụy, nhà Tề, nhà Chu, nối nhau làm vua Nam Triều có nhà Tống, nhà Tề, nhà Lương và nhà Trần kế nghiệp trị vì. Năm Kỷ Mùi (479) nhà Tống mất ngôi, nhà Tề kế nghiệp, trị vì được 22 năm thì nhà Lương lại cướp ngôi nhà Tề.

Nhà Lương sai Tiêu Tư sang làm thứ sử Giao châu Cũng như các triều đại phong kiến khác của Trung Quốc trước, các viên quan lại nhà Lương sang cai trị Giao Châu đã áp dụng những biện pháp khắc khe, độc ác khiến cho dân Giao Châu cực khổ trăm bề, người người đều oán. Bởi vậy, năm, 542, Lý Bôn đã lãnh đạo dân Giao Châu nổi lên đánh Tiêu Tư, chiếm giữ thành Long Biên, lập nên chính quyền độc lập đầu tiên.

Lý Bôn còn gọi là Lý Bí quê ở Long Hưng, Thái Bình, xuất thân từ một hào trưởng địa phương. Tổ tiên của Lý Bí là người Trung Quốc, lánh nạn sang nước ta từ cuối thời Tây Hán, khoảng đầu công nguyên. Trải qua 7 đời, đến Lý Bí thì dòng họ Lý đã ở Việt Nam hơn 5 thế kỷ. Vì vậy sử của Trung Quốc đã coi Lý Bí là "Giao Châu thổ nhân."

Lý Bí sinh ngày 12 tháng 9 năm Quý Mùi(17-10-503). Ông là con độc nhất trong gia đình. Cha là Lý Toàn, trưởng bộ lạc, mẹ là Lê Thị Oánh người Ái Châu (Thanh Hóa). Từ nhỏ Lý Bí đã tỏ rõ là một cậu bé thông minh, sớm hiểu biết. Khi Lý Bí 5 tuổi thì cha mất, 7 tuổi thì mẹ qua đời Cậu bé bất hạnh phải qua ở với chú ruột. Một hôm có một vị Pháo tổ thiên sư đi qua, thấy Lý Bí khôi ngô, tuấn tú liền in đem về chùa Linh Bảo nuôi dạy Hơn mười năm đèn sách chuyên cần, và được vị thiên sư gia công chỉ dạy, Lý Bí trở thành người học rộng, hiểu sâu, ít người sánh bằng. Nhờ có tài văn võ kiêm toàn, Lý Bí được tôn lên làm thủ lĩnh địa phương. Có thời kỳ Lý Bí ra làm quan cho nhà Lương, nhận chức giám quân, kiểm soát quân sự ở Cửu Đức, Đức Châu (Đức Thọ, Hà Tĩnh). Nhưng do bất bình với kẻ đô hộ hống hách, Lý Bí bỏ quan, về quê chiêu binh mãi mã chống lại chính quyền đô hộ Từ trưởng ở Chu Diên (Hải Hưng) là Triệu Túc cùng con là Triệu Quang Phục, mến tài đức Lý Bí đã đem quân nhập với đạo quân của ông. Rồi Tinh Thiều, Phạm Tư và hào kiệt các nơi cũng nổi dậy hưởng ứng.

Tháng Giêng năm Nhâm Tuất (542), Lý Bí khởi nghĩa tấn công quân giặc. Không đương nổi sức mạnh của đoàn quân khởi nghĩa, thứ sử Tiêu Tư khiếp sợ không dám chống cự, vội mang của cải, vàng bạc rút lót cho Lý Bí xin được toàn tính mạng, chạy về Trung Quốc. Không đầy 3 tháng, Lý Bí đã chiếm được hầu hết các quận, huyện và thành Long Biên. Được tin Long Biên thất thủ, vua Lương lập tức hạ lệnh cho quân phản công chiếm lại Bọn xâm lược vừa kéo sang đã bị Lý Bí cho quân mai phục đánh ta.

Đầu năm Quý Dậu (543), vua Lương lại huy động binh mã sang xâm lược một lần nữa Tướng sĩ của giặc còn khiếp sợ không dám tiến quân. Lý Bí đã chủ động ra quân đón d'anh giặc ở bán đảo Hợp Phố, miền cực Bắc Châu Giao Quân Lương mười phần chết hết bảy, tám. Tướng giặc bị giết gần hết, kẻ sống sót cũng bị vua Lương bắt xử trảm.

Tháng Hai năm Giáp Tý (544) Lý Bí tự xưng hoàng đế lấy hiệu là Lý Nam Đế, đặt tên cho nước là Vạn Xuân (ước muốn xã tắc truyền đến muôn đời), đặt kinh đô ở miền cửa sông Tô Lịch (Hà Nội) và cho

dựng điện Vạn Thọ làm nơi vua quan họp bàn việc nước. Triều đình gồm có hai ban văn võ. Phạm Tu được cử đứng đầu hàng quan võ, Tinh Thiều đứng đầu quan văn, Triệu Túc làm thái phó, Triệu Quan Phục là tướng trẻ có tài cũng được trọng dụng.

Lý Nam Đế sai dựng một ngôi chùa lớn ở phường Yên Hoa (Yên Phụ) lấy tên là chùa Khai Quốc. Chùa Khai Quốc là tiền thân của Chùa Trấn Quốc, trên đảo Cá Vàng (Kim Ngưu) ở Hồ Tây, Hà Nội

Việc Lý Bí đặt tên nước Vạn Xuân, tự xưng hoàng đế, định niên hiệu, lập một triều đình riêng, ngang bằng với nước lớn ở phương Bắc là một sự khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc, sự bền vững muôn đời của đất phương Nam.

Đầu năm 545 (Ất Sửu), sau khi đàn áp những cuộc nổi dậy của những nông dân Trung Quốc, nhà Lương dồn sức mở cuộc tấn công nước Vạn Xuân còn non trẻ nhằm mục đích chiếm lại Châu Giao ngày trước. Dương Phiền được cử làm thứ sử Châu Giao cùng với một viên tướng độc ác, Trần Bá Tiên, chia hai đường thủy bộ phối hợp cùng tiến đánh sâu vào nước ta. Lý Nam Đế đem quân chặn đánh ở vùng Lục Dâu (Hải Hưng) nhưng không cản được bước tiến của giặc. Nhà vua cho quân lui về giữ thành ở cửa sông Tô Lịch (Hà Nội). Thành đất, lũy tre gỗ mới dựng nên tuy quân ta có ra sức chống cự vẫn không giữ được lâu. Quân địch hung hãn tấn công ác liệt. Lý Nam Đế phải lui quân ngược sông Hồng về giữ thành Gia Ninh ở miền đồi núi Việt Trì. Quân Lương đuổi theo vây đánh, rồi chiếm được thành. Lý Nam Đế đưa quân vào vùng núi Vĩnh Phú. Tại đây người dân của các chủng tộc ủng hộ nhà vua về mọi mặt. Chỉ vài tháng sau, quân lực đã lên tới vài vạn người. Lý Nam Đế đem quân và thuyền bè ra đóng ở hồ Điển Triệt (Tứ Yên, Lập Thạch, Vĩnh Phú).

Quân Lương từ Gia Ninh ngược dòng sông Lô kéo lên tấn công. Quân dân của Lý Nam Đế chống trả quyết liệt nên chúng không tiến lên được và phải đóng quân giữa đồng trống. Quân lính nhà Lương xa nhà đã lâu nên mệt mỏi, chán nản, nhưng viên tướng Trần Bá Tiên vốn xảo quyệt. Hắn lợi dụng vào một đêm mưa to gió lớn đánh úp vào đồn trú quân của Lý Nam Đế. Nhà vua phải rút lui vào động Khuất Lão (Tam Nông, Vĩnh Phú). Nhà vua là Lý Thiên Bảo cùng Lý Phật Tử, một người trong họ, và là tướng của Lý Nam Đế, đem một nhánh quân lui vào Thanh Hóa ở động Khuất Lão, Lý Nam Đế bị đau yếu luôn nên ông trao binh quyền cho Triệu Quang Phục tiếp tục cuộc chiến. Hai năm sau, Lý Nam Đế mất vào ngày 13 tháng 4 năm 584 (20-3-Mậu Thìn).

Để tưởng nhớ Lý Nam Đế, người anh hùng của dân tộc, người đã mở đầu nền độc lập, tự chủ của đất nước, nhân dân nhiều nơi lập đền thờ ông theo nghi lễ thờ vua ở miền Bắc có hơn 200 đền và miếu thờ Lý Bí và các tướng của ông.

## Triệu Việt Vương (540-571)

Khi được Vua Lý Nam Đế trao cho toàn bộ binh quyền, Triệu Quang Phục, người huyện Chu Diên (Hải Hưng) thấy rằng thế giặc còn mạnh, khó có thể đánh thắng nên đưa hơn 1 vạn quân từ miền núi về đồng bằng tìm cách đánh giặc. Do thông thuộc miền sông nước Chu Diên, ông đưa quân về Dạ Trạch (Bãi Mìn Trờ, Hải Hưng), nơi đây là vùng đất rộng mênh mông, lau sậy um tùm, chỉ có thể dùng thuyền độc mộc chống sào lướt nhẹ trên đầm cỏ nước dọc theo mấy con lạch nhỏ mới tới được bản doanh của nghĩa quân.

Khi đem quân về Dạ Trạch, Triệu Quang Phục đã tính đến việc tự túc lương thực để chiến đấu lâu dài. Ông chia quân ra làm nhiều nhóm: Nhóm chặt cây, nhóm đi săn vịt trời, chim để nuôi quân. Lương thực thiếu thốn, Triệu Quang Phục phải cùng quân dân ăn củ sừng, khoai dại, để dành thóc gieo mạ.. Khi doanh trại đã xây dựng những phần cơ bản cũng là lúc tướng giặc Trần Bá Tiên biết được nơi trú của quân lính ta. Hắn đem quân trùng trùng điệp điệp đến bủa vây. Tướng giặc nhìn đầm rộng chỉ có lau sậy bèn đắc ý nói với lính của mình:

-Số phận quân Dạ Trạch đã được định liệu. Một vạn miệng ăn chen chúc trong đầm thì sẽ chết vì đói. Ta chỉ cần vây chặt mà không cần đánh cũng thắng.

Trần Bá Tiên chia quân lập một hệ thống đồn binh vây bọc kín khu đầm, cắt đứt liên lạc và tiếp tế giữa quân Việt với dân chúng. Hắn không hề ngờ được, bên trong vòng vây, Triệu Quang Phục một mặt cho quân do thám hành động của giặc, mặt khác cho đắp bờ, khoanh bãi, làm nền ruộng, gieo mạ để làm lúa. Hơn nữa, ông còn nhăm trước khu đất cao ở gần sông Cái để sửa soạn làm mùa sau. Tất cả những công việc này đều được tiến hành trong điều kiện thiếu thốn về nông cụ vì vậy Triệu Quang Phục đã làm gương cho quân lính xuống ruộng cùng cầm cày để làm ruộng. Sau những ngày thiếu thốn đó, quân dân ta chẳng những có đủ lương thực ăn lâu dài mà còn có thóc để dành phòng cho chiến tranh lâu dài. Theo lệnh của Triệu Quang Phục: "Lúa quý như mạng người". Mọi người lính đều thúc đẩy thêm việc trồng trọt lúa gạo và thực phẩm.

Bao vây lâu ngày mà vẫn không thấy nghĩa quân xuất hiện chết đói, ngược lại thì các đồn giặc liên tiếp bị đánh, lương thực bị cướp đi nên quân giặc lại lâm vào tình trạng thiếu thóc gạo. Bên giặc càng ngày càng khó khăn, trong khi đó bên quân Việt càng ngày càng vững mạnh.

Sau khi Lý Nam Đế mất, Triệu Quang Phục xưng hiệu là Triệu Việt Vương. Dân gian gọi ông là Dạ Trạch Vương. Đến năm Canh Ngọ (550), thừa dịp nhà Lương có loạn lớn, bên giặc suy yếu trầm trọng, Triệu Việt Vương từ Dạ Trạch xuất toàn bộ quân giao chiến, giết được tướng giặc là Dương Sàn, lấy lại Kinh Đô, khôi phục lại nền dân chủ cho dân Việt.

Năm Đinh Sửu (557) Lý Phật Tử, là người anh họ của Lý Nam Đế, đem quân về đánh Triệu Việt Vương để giành ngôi nhà Lý. Nhưng đánh không thắng cho nên Phật Tử xin giảng hòa. Triệu Việt Vương nể tình của Lý Nam Đế ngày xưa mà thuận chia đất cho Lý Phật Tử và còn gả con gái là Cải Nương cho Nhã Lang, con Lý Phật Tử. Bên ngoài tuy tỏ tình hòa hiếu nhưng bên trong Phật Tử vẫn có ý muốn đoạt ngôi nên đã chờ cơ hội tốt để hành động.

Năm Tân Mão (571), Phật Tử phản trắc, bất ngờ đem quân xuống đánh Triệu Việt Vương. Vì không phòng ngừa Triệu Việt Vương thua chạy đến cửa biển Đại Nha, cùng đường gieo mình xuống biển tự sát.

Dân ta đã lập miếu thờ tại nơi này. Năm Trưng Hưng thứ nhất (1285), vua Trần Nhân Tông sắc phong là Minh Đạo Hoàng Đế cho ông, và năm Trưng Thông thứ 4, vua lại ban thêm hai chữ "Khai Cơ". Năm Long Hưng thứ 21 (1313) đời Trần Anh Tông, vua ban thêm bốn chữ: "Thánh Liệt Thần Vũ."

### **Hậu Lý Nam Đế (571-602)**

Sau khi đánh bại Triệu Việt Vương, Lý Phật Tử xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu và sai Lý Đại Quyền coi giữ Long Biên và Lý Phổ Định giữ Ô Diên.

Trong lúc đó Lý Phật Tử làm vua ở Nam Việt thì vua Văn Đế của nhà Tùy đã dẹp yên Nam-Bắc Triều và thống nhất nước Trung Hoa lúc bấy giờ. Năm 608 (Nhâm Tuất), nhà vua Tùy sai danh tướng Lưu Phương đem đại binh sang chiếm đánh Nam Việt. Tướng Lưu Phương trước khi xuất quân đã sai quân sang dụ hàng Lý Phật Tử trước và còn đe dọa nếu không hàng thì hắn sẽ làm cỏ dân Việt. Lý Phật Tử sợ thế giặc mạnh không chống cự nổi nên đã hàng giặc. Giặc chiếm lại Đất Việt mà không cần phải mất một mảnh giáp nào.

## Mai Hắc Đế (722)

Vào năm Nhâm Tuất (722), đời vua Huyền Tông nhà Đường, ở Hoan Châu đã mở rar cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan. Mai Thúc Loan quê ở Mai Phụ, Thạch Hà (nay thuộc Hà Tĩnh). Thuở nhỏ nhà Mai Thúc Loan rất nghèo, mẹ ông phải đi làm mướn cho nhà giàu và còn kiếm củi nuôi con. Không những chỉ vậy, mà Mai Thúc Loan còn bị mang tiếng xấu là con không cha và nước da đen sạm xấu xí. Theo Sách Thiên Nam Ngũ Lục viết lại rằng mẹ Mai Thúc Loan đến xem nấu muối bị một làn khói muối ngũ sắc bao lấy mình mà có thai ông. Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn nhưng Mai Thúc Loan đã sớm bộ lộ tư chất thông minh, sáng ý kỳ lạ và sức khỏe tuyệt vời không ai sánh bằng.

Khi lớn lên, Mai Thúc Loan phải đi làm lụng, lo toan để giúp mẹ đủ việc. Ông hết đi làm mướn cho những nhà hào phú, quan lại thì theo mẹ vào rừng kiếm củi Rồi một tai nạn khủng khiếp đã xảy đến hai mẹ con nghèo vào giữa buổi kiếm củi ở rừng sâu Khi ông nghe tiếng kêu thét của mẹ mà chạy đến thì mẹ đã chết gục bên cũng máu cạnh một con hổ lớn đang gầm gừ, cắn xé dữ dội Với lòng căm hờn, Mai Thúc Loan xông vào đánh nhau với thú dữ đã khiến cho con thú đang hăng mồi phải bỏ chạy Từ đó Mai Thúc Loan sống cuộc đời mồ côi, cày thuê ở mướn cho các nhà giàu trong làng. Vì nhà nghèo, Mai Thúc Loan không được học hàng mà chỉ học lỏm để biết chữ, hiểu sách.

Mai Thúc Loan là một chàng trai có sức khỏe phi thường, là một đô vật lừng danh, có nhiều nơi không ai dám đấu với ông.

Ông học hỏi rồi trở thành một thợ săn giỏi, nhiều lần giết được chúa sơn lâm khiến dân trong vùng khâm phục. Vì vậy, mọi người tôn Mai Thúc Loan làm chức "Đầu phu", thủ lĩnh quân sự địa phương của làng.

Châu Loan vào đạo đó luôn bị giặc Chà Và (Gia-Va), và Côn Lôn (Mã Lai) cướp phá, mà còn bị ách đô hộ của nhà Đường, làm cho nhân dân vô cùng cực khổ. Đặc biệt, nạn cống "quả lệ chi" (Trái vải) là một gánh nặng khôn kể của dân Hoan Châu Do ở Trường An, vua Đường có một nàng ái phi, được gọi là Dương Quý Phi nhan sắc tuyệt vời chỉ thích ăn quả lệ chi xinh xắn mà chỉ ở An Nam mới có.

Vào mùa vải năm Nhâm Ngọ (722), Mai Thúc Loan cùng đoàn phu phải gánh vải đi cống nộp. Trên đường đi vì gánh mệt nhọc, đoàn phu phải ngừng lại nghỉ chân và bị cái khát cháy cổ hành vì không một giọt nước. Trong đoàn phu có một dân phu đứng tuổi vì chịu không nổi cái khát đã bứt lấy một trái vải ăn cho đỡ khát. Vải chưa đến miệng thì đã bị một tên lính Đường đi áp tải xông tới, vung cán mã tấu đánh vào đầu Tên lính tính đánh cái nữa để kết liễu ông già thì đã bị đánh lại Sự việc xảy ra quá bất ngờ, đám lính nhà Đường vây vào Mai Thúc Loan, hò hét và đánh trả. Nhưng những người dân phu theo lệnh Mai Thúc Loan đã rút đòn gánh chống lại Gia\*c chịu không nổi đòn phải đền tội Đám được giặc, Mai Thúc Loan lập tức thổi bùng khí thế bắt đầu cuộc khởi nghĩa

Vị thủ lĩnh trẻ tài ba được mọi người tôn làm anh hùng vào được hàng trăm người hưởng ứng. Ông chọn Rú Đun còn gọi là Hùng Sơn làm chỗ trú ngụ.. Không dễ giặc yên thân. Mai Thúc Loan quyết định ra quân trước, đánh thẳng vào Châu Trị mở rộng cuộc khởi nghĩa ở Hoan Châu Ông còn phát hịch kêu gọi người Việt đứng dậy chống lại giặc gìn giữ non sông. Từ Hùng Sơn, Mai Thúc Loan xây thành Vạn An. Từ đây Mai Thúc Loan tìm cách liên kết với các thủ lĩnh và dân chúng các châu miền núi, với Champa để có thêm lực lượng chống quân Đường. Trước khi tiến đánh phủ đô hộ, ngoài Châu Giao, Mai Thúc Loan được tôn lên làm hoàng đế, gọi là Mai Hắc Đế. Và chỉ trong một trận đấu dữ dội, Mai Thúc Loan đã chiếm được phủ thành Tống Bình (nay là Hà Nội), và đuổi tên đô hộ Quách Sở Khách chạy về nước, lấy lại đất nước. Nước ta được thoát khỏi ách đô hộ, dân khắp nơi nô nức theo Mai Hắc Đế, lực lượng nghĩa quân lên tới hàng chục vạn người

Nhưng lúc này nhà Đường còn mạnh. Vua Đường đã huy động 10 vạn quân ồ ạt theo đường hiểm đánh ập vào thành Vạn An. Không chống nổi sức mạnh của quân xâm lược, Mai Hắc Đế phải rút vào rừng, sau đó bệnh rồi mất. Nghĩa quân tan vỡ. Quân Đường tàn sát nhân dân ta vô cùng dã man, xác người chết đất thành gò cao, đã tăng thêm lòng căm thù nhà Đường của nhân dân nước Việt.

Nhớ ơn Mai Hắc Đế, dân lập đền thờ, đề thơ ca tụng người anh hùng.

## Phùng Hưng (761-801)

Quyền thống trị của nhà Đường dần dần suy yếu từ năm Đinh Mùi (767). Vào năm Đại Lịch thứ hai của đời Đường có giặc Côn Lôn và Chà Và quấy nhiễu Trương Bá Nghi, quan kinh lược sứ nhà Đường, chỉ biết giữ thành chờ cứu viện. Vua Đường ra lệnh Cao Chính Bình đem quân sang dẹp tan giặc ở Cửu Chân và sau đó hấn được giữ chức đô hộ ở An Nam. Cao Chính Bình ý thể mạnh ra sức tàn sát dân lành, cướp bóc vợ vệt của cải của dân tạc Hành động nông cuồng của hắn làm người người đều căm ghét. Lúc ấy, Phùng Hưng và hai anh em là Phùng Hải và Phùng Đĩnh nhân cơ hội này đã cùng dân Việt nổi lên chống lại nhà Đường.

Phùng Hưng vốn xuất thân từ dòng dõi cự tộc, hào trưởng đất Đường Lâm (nay thuộc Ba Vì, Hà Nội). Cha của ông là Phùng Hạp Khanh, một người hiền tài, có đức độ, và đã từng tham gia cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan. Sau khi cuộc khởi nghĩa kết thúc, ông về ở ẩn, chỉ thú làm ăn, trở nên giàu có. Phùng Hạp Khanh có người vợ một lần sinh ba, đó là ba anh em Phùng Hưng. Phùng Hưng khôi ngô, mạnh khỏe, trí dũng khác thường. Trong sử sách và nhân dân truyền lại về tài đánh hổ ở Đường Lâm. Nhờ vào trí dũng và sức khỏe của mình, ông đã nổi tiếng khắp vùng nên khi ông dấy cờ khởi nghĩa thì hàng ngàn người theo ông. Trong một thời gian ngắn đã lên tới vài chục ngàn. Quân giặc ở Đường Lâm và các vùng bên cạnh không đương nổi với sức mạnh của dân ta đã phải bỏ chạy. Phùng Hưng tự xưng là Đô Tổng chia quân đi trấn giữ những vùng hiểm yếu. Cao Chính Bình đem quân đi đàn áp nhưng hai bên không phân thắng bại. Khi tiến khi thủ, trận đánh đã xảy ra suốt hơn 20 năm. Vào năm Tân Mùi (791), Phùng Hưng và các tướng Phùng Hải, Phùng Đĩnh, Đỗ Anh Hàn, Bò Phá Càn chia ra làm 5 đạo quân đánh bất ngờ vào thành Tống Bình. Cao Chính Bình phải đem 4 vạn quân ra chống cự. Sau 7 ngày đem chiến đấu kịch liệt, quân giặc thua thế phải rút vào thành cố thủ. Nghĩa quân Phùng Hưng thừa thắng hò reo bủa vây khắp 4 bề thành. Quân binh giặc chết nhiều Cao Chính Bình lo sợ mà bệnh chết. Phùng Hưng chiếm được thành, vào phủ đô hộ diền khiến việc nước được 7 năm thì qua đời. Con trai của ông là Phùng An lên nối ngôi, và theo lòng ái mộ của nhân dân đã tôn hiệu cha mình làm Bố Cái Đại Vương. Phùng An nối nghiệp cha được hai năm thì vua Đường sai Triệu Xương đem quân qua đánh bại.

Phùng Hưng tuy mất nhưng nhân dân ta luôn nhớ tới ngài. Có nhiều truyền thuyết được lưu truyền trong dân gian về những hiển linh mà ông đã hiện ra giúp dân làng trong lúc nguy nan. Sau này, khi Ngô Quyền đánh thắng giặc ở sông Bạch Đằng cũng nhờ vào sự hiển linh của Phùng Hưng nên Ngô Quyền đã cho lập đền thờ ông ở Quảng Bá (Hà Nội), Triều Khúc (Hà Sơn Bình), và nhiều nơi khác.

## Nhà Khúc

Vì sự tham tàn và bỏ bê việc cai trị của quan lại nhà Đường, giặc Nam Chiếu đã sang đánh và giết hại hơn 15 vạn dân Giao Châu. Quan quân nhà Đường chỉ bỏ chạy.

Vào năm Giáp Thân, Cao Biền của nhà Đường đem đại binh sang đánh đuổi giặc Nam Chiếu. Vua Đường ban thưởng cho Cao Biền làm tiết độ sứ và đổi tên An Nam thành Tĩnh Hải. Cao Biền đã chinh đồn lại mọi việc như cho đắp thành Đại La ở bờ sông Tô Lịch.

Vào năm Đinh Mão (907) nhà Đường mất ngôi, Trung Quốc lâm vào cảnh phân tranh của năm thế lực khác nhau: Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu.

Vào dịp này, ở Giao Châu có Khúc Thừa Dụ quê ở Cục Bồ (Ninh Thanh, Hải Hưng), đã lãnh đạo dân Giao Châu, khôi phục quyền tự chủ của dân Việt. Khúc Thừa Dụ xuất thân từ một họ lớn, là một hào phú có tính khoan hòa hay thương người và được dân chúng kính phục. Vào năm 905, Họ Khúc đã chiêu binh chiếm vào thành Tống Bình (Hà Nội) và tự xưng là Tiết độ sứ. Vào tình thế bất buộc, nhà Đường công nhận Khúc Thừa Dụ là người đứng đầu đất Việt. Ông đã dùng cách "Độc lập thật sự, thần phục danh nghĩa," mà xử sự với quan quân phong kiến phương Bắc. Về mặt hình thức ông giữ hệ thống chính quyền nhưng trong đó đều toàn người Việt nắm giữ các chức vụ. Khúc Thừa Dụ làm tiết độ sứ được khoảng một năm thì mất vào ngày 23 tháng 7 năm Đinh Mão (907), và ông đã giao quyền lại cho con là Khúc Hạo.

Khúc Hạo nối nghiệp cha đã làm nhiều điều cải cách nhằm xây dựng nền tảng độc lập cho dân tộc. Ông đã chinh đồn lại hệ thống chính quyền vững chắc từ trên xuống dưới, và chế độ tô thuế giản dị cho nhân dân đều được yên vui.

Năm Đinh Sửu (917) Khúc Hạo mất, truyền ngôi lại cho con là Khúc Thừa Mỹ. Vì không thuận phục nhà Hán, mặt khác Nhà Hán muốn bành trướng lãnh thổ nên đã sai tướng là Lý Khắc Chính đem quân sang bắt Khúc Thừa Mỹ rồi phong Lý Tiến là thứ sử cùng với Lý Khắc Chính giữ Giao Châu.

### **Dương Đình Nghệ và Kiều Công Tiễn (931-938)**

Vào năm Tân Mão (931), một tướng của Khúc Hạo ở Ái Châu (Thanh Hóa), Dương Đình Nghệ đã mộ quân và đánh đuổi Lý Khắc Chính và Lý Tiến, chiếm thành Đại La, ông tự xưng làm Tiết độ sứ. Được sáu năm thì ông bị Kiều Công Tiễn là một nha tướng giết hại để chiếm lấy địa vị tiết độ sứ. Nền độc lập của đất Việt mới vừa lập nên đã lại bị đe dọa bởi Bắc thuộc. Bên cạnh đó, nhân dân Giao Châu đều căm giận và muốn trừ tên phải phúc Kiều Công Tiễn để trừ họa. Vì vậy Kiều Công Tiễn đã "cống rắn cắn gà nhà" cầu cứu chúa Nam Hán.

## Ngô Quyền Đánh Quân Nam Hán (897-944)

Một trong những bộ tướng của Dương Đình Nghệ là Ngô Quyền. Ông sinh ngày 12 tháng 3 năm Đinh Ty (897) ở Đường Lâm nay là Ba Vì, Hà Nội. Cha của ông là Ngô Mân, là một hào trưởng địa phương. Ngô Quyền sinh ra và lớn lên trong một đất nước tuy bị thống trị bởi giặc ngoại xâm nhưng có luôn có truyền thống bất khuất kiên cường để giành độc lập cho quê hương. Mặc khác ông đã được chí khí của Phùng Hưng nuôi dưỡng ý chí, nên Ngô Quyền sớm tỏ rõ ý chí phi thường hiếm có. Ông có thân thể cường tráng, thông minh và thường xuyên luyện tập võ nghệ nên tiếng tăm của ông đã lan rộng khắp vùng. Dương Đình Nghệ đã trao cho ông cai quản đất Ái Châu và đã gả con gái của mình cho ông. Nhờ tài đức của ông, trong năm năm ông đã đem lại yên vui cho đất Ái Châu.

Khi Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết hại, và vua Nam Hán là Lưu Cung cho con là Vạn Vương Hoàng Thao đem quân sang xâm lược nước ta, Ngô Quyền đã tập hợp lực lượng để trừ nội phản, diệt ngoại xâm. Hâm mộ tài đức của Ngô Quyền, hào trưởng từ nhiều nơi đem binh về gia nhập với Ngô Quyền.

Vào đầu mùa đông năm Mậu Tuất (938), Ngô Quyền đem quân vượt qua đèo Ba Dội, tiến như vũ bão vào Đại La, bắt giết tên nội phản Kiều Công Tiễn.

Vì khinh thường nước ta nhỏ bé không chống cự nổi, và tin chắc con mình sẽ thắng khi xâm lược nước ta nên Lưu Cung đã vội phong cho con tức Giao Vương (tức làm Vương nước Giao Chỉ). Lưu Cung còn đích thân đốc quân ra đóng ở trấn Hải Môn để sẵn sàng chi viện.

Binh lực giặc ngoại xâm lớn, quân lính ta lại ít hơn nhiều nên Ngô Quyền đã đưa ra kế, bố trí một trận địa cọc nhọn bịt sắt cắm xuống lòng sông Bạch Đằng. Khi nước triều lên ông cho dũ thuyền giặc vào bên trong hàng cọc, đợi khi thủy triều xuống sẽ dốc toàn binh diệt giặc một trận quyết chiến nhanh gọn.

Tháng 12 năm Mậu Tuất (938) các chiến thuyền của giặc đã hùng hổ vượt biển tiến vào sông Bạch Đằng. Vì quá khinh thường quân ta, giặc đã nghênh ngang tràn vào trận địa mai phục của Ngô Quyền. Bị đánh bất ngờ cho nên chỉ trong một thời gian ngắn thuyền giặc bị đắm gần hết, quân giặc chết quá nửa, máu chảy đầy sông. Hoàng Thao cũng bị giết tại trận. Tin thất trận của Hoàng Thao khiến vua Nam Hán kinh hoàng.

Sau chiến thắng, Ngô Quyền xưng vương, bãi bỏ chức Tiết độ sứ, đóng đô ở Cổ Loa (Hà Nội). Để củng cố trật tự triều chính, Ngô Quyền đặt ra các chức quan văn võ, quy định nghi lễ trong triều. Điều đáng tiếc là thời cai trị của Ngô Quyền quá ngắn ngủi, chỉ được 6 năm (939-944). Ông đã mất khi thọ 47 tuổi.

## Dương Tam Kha

Khi trẻ Ngô Quyền đã lấy con gái của Dương Đình Nghệ, nên khi ông lên ngôi bà Dương Thị được lập làm hoàng hậu. Khi sắp qua đời, Ngô Vương ủy thác con là Ngô Xương Ngập cho Dương Tam Kha là em Dương Hạo Lợi dựng cháu còn nhỏ, Dương Tam Kha cướp ngôi của cháu, tự xưng là Bình Vương. Ngô Xương Ngập thấy biến chạy trốn sang Nam Sách (nay là Hải Dương) vào ẩn ở nhà Phạm Lệnh Công. Dương Tam Kha sai quân đi đuổi bắt, Phạm Lệnh Công đem Xương Ngập trốn trong núi. Nhưng Dương Tam Kha bắt em của Xương Ngập là Ngô Xương Văn làm con nuôi.

Năm Canh Tuất (905) nhân có loạn ở Sơn Tây, Dương Tam Kha sai Ngô Xương Văn cùng tướng Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc đem quân đi đánh. Đến Từ Liêm, Ngô Xương Văn mưu với hai tướng đem quân trở về bắt Dương Tam Kha. Ngô Xương Văn vì nghĩ tình cậu cháu nên không nỡ xử trảm, giáng Tam Kha xuống làm Trương Dương công.

## Hậu Ngô Vương (950-965)

Ngô Xương Văn phế bỏ Dương Tam Kha và tự xưng là Nam Tấn Vương, đồng thời sai người tâm phúc đóng anh là Ngô Xương Ngập về cùng ông trông coi việc nước. Ngô Xương Ngập lấy hiệu là Thiên Sách Vương. Cả hai anh em được gọi là Hậu Ngô Vương.

Lên ngôi vua chưa được bao lâu, Thiên Sách Vương nghĩ cách ám hại em là Nam Tấn Vương để được làm vua một mình. Việc chưa thành, ông đã mất vào năm (954).

Thế lực nhà Ngô dần dần suy yếu. Giặc giả nổi lên khắp nơi chống đối nhà Ngô. Nam Tấn Vương buộc phải thân chinh đi đánh dẹp. Năm Ất Sửu (965) trong trận giao chiến ở Thái Bình, Nam Tấn Vương không may đã bỏ mạng. Ông làm vua được 15 năm. Con của Thiên Sách Vương là Ngô Xương Xí nối nghiệp lên làm vua về thống trị đất Bình Kiều.

Triều Ngô được bắt đầu từ Ngô Quyền, đến Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn và cuối cùng là Ngô Xương Xí. Như vậy truyền được ba đời kéo dài trong vòng 26 năm. Đến đời Ngô Xương Xí, trong nước lúc đó có loạn 12 sứ quân, gây ra nhiều loạn lạc khắp nơi, cảnh nổi da nẫu thịt kéo dài hơn 20 năm. 12 sứ quân đó là:

1. Ngô Xương Xí, giữ Bình Kiều (Khoái Châu, Hưng Yên).
2. Đỗ Cảnh Thạc giữ Đỗ Đông Giang (Thanh Oai, Hà Đông).
3. Trần Lãm giữ Bồ Hải Khẩu (Kỳ Bó, Thái Bình).
4. Kiều Công Hãn giữ Phong Châu (Bạch Hạc, Vĩnh Phú).
5. Nguyễn Khoan giữ Tam Đái (Vĩnh Tường, Vĩnh Phú).
6. Ngô Nhật Khánh giữ Đường Lâm (Phúc Thọ, Sơn Tây).
7. Lý Khê giữ Siêu Loại (Thuận Thành, Hà Bắc).
8. Nguyễn Thủ Tiệp giữ Tiêu Du (Hà Bắc).
9. Lữ Đường giữ Tế Giang (Văn Giang, Hải Dương).
10. Nguyễn Siêu giữ Tây Phù Liệt (Thanh Trì, Hà Đông).
11. Kiều Thuận giữ Hối Hồ (Cẩm Khê, Sơn Tây).
12. Phạm Bạch Hổ giữ Đằng Châu (Hưng Yên).

Những sứ quân này thường đánh lẫn nhau nhằm bành trướng thế lực khiến cho nhân dân vô cùng khổ sở. Về sau, Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư dẹp loạn sứ quân, giang sơn trở về một chủ, lập nên cơ nghiệp nhà Đinh.

## Đinh Tiên Hoàng (968-980)

Đinh Bộ Lĩnh xuất thân từ động Hoa Lư, Châu Đại Hoàng, nay là Hoa Lư tỉnh Ninh Bình. Ông là con của Đinh Công Trứ, một nhà tướng dưới thời Dương Đình Nghệ, giữ chức Thứ Sử Châu Hoan. Đinh Công Trứ mất sớm, Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở. Ông thường hay đi chơi với các lũ trẻ Trong làng, bắt chúng khoanh tay làm kiệu để ngồi cho họ rước và lấy bông lau làm bàn cờ bày trận đánh nhau.

Lớn lên, nhờ trí thông minh và khí phách của mình, và lại có tài thao lược nên khi Bộ Lĩnh dựng cờ dấy nghĩa mong lập nghiệp lớn, dân làng theo ông rất đông. Vì bất hoà với chú, Bộ Lĩnh cùng với con là Đinh Liễn sang ở với sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải Khẩu (Kiến Xương, Thái Bình). Thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có tài, khôi ngô, có chí khí, Minh Công trao cho Bộ Lĩnh giữ binh quyền. Khi Trần Minh Công qua đời, Bộ Lĩnh đem quân về Hoa Lư, và chiêu mộ hào kiệt, hùng cứ một phương. Vào năm Tân Hợi (951), thời hậu Ngô Vương, Nam Tấn Vương cùng Thiên Sách vương đem quân đến đánh nhưng cả hai đều thất bại mà phải rút quân về. Đến khi nhà Ngô mất, Đinh Bộ Lĩnh dụ hàng được các sứ quân Ngô Nhật Khánh, Ngô Xương Xí, lại phá được Đỗ Động của Nguyễn Cảnh Thạc. Từ đó Đinh Bộ Lĩnh đi đến đâu, đánh thắng đến đấy, và được tôn là Vạn Thắng Vương. Chỉ trong vòng một năm, Đinh Bộ Lĩnh đã bình được các sứ quân, lập thành nghiệp đế.

Năm Mậu Thìn (968) Vạn Thắng Vương lên ngôi Hoàng Đế và lấy hiệu là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu cho nước nhà là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Đinh Tiên Hoàng xây cung điện, lập triều nghi, định phẩm hàm quan văn, quan võ, phong cho Nguyễn Bặc là Đinh Quốc Công, Lê Hoàn làm Thập Đạo tướng quân (người làm tổng chỉ huy quân đội) và phong cho con Đinh Liễn là Nam Việt Vương.

Về ngoại giao, để tránh tử chiến với nhà Tống, năm Nhâm Thân (972), Đinh Tiên Hoàng sai con là Đinh Liễn mang đồ vật sang cống. Vua nhà Tống sai sứ sang phong cho Tiên Hoàng làm Giao Chỉ quận vương và phong cho Nam Việt Vương Đinh Liễn làm Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ An Nam đô hộ...

Từ đó nước ta giữ lệ sang triều cống phương Bắc. Đinh Tiên Hoàng đã dẹp xong loạn sứ quân. Nhìn chung nhiều nơi nước ta vẫn chưa giữ theo luật lệ của triều đình. Để răn đe kẻ phản loạn, Đinh Tiên Hoàng đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hổ báo trong vườn, tuyên cáo rằng ai phạm tội thì bị bỏ vạc dầu hoặc cho hổ báo ăn thịt. Dù chưa dùng hình phạt đó nhưng mọi người đã sợ oai và phép nước được tuân thủ.

Nhưng Đinh Tiên Hoàng đã phạm sai lầm, bỏ trường lập thứ làm Thái Tử. Con trưởng là Nam Việt Vương đã từng theo Tiên Hoàng đi khắp trận mạc từ thuở hàn vi, nhưng lại không được kế vị. Nam Việt Vương tức giận sai người giết Hạng Lang, thái tử. Họa loạn xảy ra trong hoàng tộc.

Năm Kỷ Mão (979) Đinh Tiên Hoàng và Nam Việt Vương Đinh Liễn bị Đỗ Thích giết chết. Đỗ Thích do đêm nằm mơ thấy sao rơi vào miệng tưởng là điềm báo mình sẽ được làm vua nên sát hại mình chủ. Một hôm hắn thấy vua Đinh say rượu nằm trong cung bèn lên vào sát hại rồi tìm đến giết luôn cả con cả là Đinh Liễn. Triều thần tìm bắt được Đỗ Thích đem xử tội và tôn Vệ Vương Đinh Toàn làm vua. Đinh Tiên Hoàng làm vua được 12 năm và thọ 56 tuổi.

## Phế Đế (979-980)

Đinh Liễn, Đinh Toàn(Đinh Tuệ) và Đinh Hạnh Lang là ba người con trai của Đinh Tiên Hoàng. Đinh Liễn và Đinh Hạng Lang đã mất nên Đinh Toàn kế nghiệp ngôi vua. Các đại thần Đinh Điền, Nguyễn Bặc thấy vua còn nhỏ mà binh quyền nằm trong tay Thập đạo tướng quân Lê Hoàn nên họ nghi Lê Hoàn tư thông với Dương Thái Hậu (Dương Vân Nga) nên cử binh mã đến đánh. Nhưng họ bị Lê Hoàn đánh bại. Vào lúc đó, nhà Tống nghe tin Đinh Tiên Hoàng mất và các đại thần dấy vọng tranh giành quyền lợi nên muốn lợi dụng dịp này mà đánh chiếm lấy nước ta. Lê Hoàn sai Phạm Cự Lượng làm đại tướng quân đem binh đi chống giữ nước nhà. Trước lúc tiến đánh, quân binh họp lại nói rằng bây giờ quân dữ đang đánh chiếm nước nhà mà vua còn quá nhỏ thì sau này có ai thưởng phạt. Dù họ hết sức lập công thì sau này ai để lại sử sách nên họ quyết định tôn Thập đạo tướng quân lên làm vua rồi đánh giặc cũng chưa muộn. Quân sĩ đồng lòng đều hô vạn tuế và tôn Lê Hoàn lên làm vua. Mặt khác Thái Hậu Dương Vân Nga thấy con mình cầm quyền trị nước cũng không được, chỉ có Lê Hoàn là người có khả năng nên cũng đồng lòng lấy long bào choàng lên vai Lê Hoàn trong tiếng reo của quân sĩ. Với cử chỉ của bà đã biểu hiện thái độ sáng suốt của một người có tâm hồn vì nước vì vậy bà được tôn làm anh hùng của sử sách.

Đinh Toàn chỉ làm vua được 8 tháng nên sử gọi là Phế Đế, sau đó ông tồn tại với tước vương là Vệ Vương có mặt trong triều đình Tiền Lê 20 năm. Năm Tân Sửu (1001) trong dịp ông cùng vua Lê Đại Hành (Lê Hoàn) đi dẹp loạn Cử Long thuộc cùng Cẩm Thủy, Thanh Hóa, Đinh Toàn trúng tên đã tử mạng trên chiến thuyền vào tuổi 27.

Vậy triều Đinh làm vua được hai đời trọng 14 năm. Lê Hoàn lên làm vua, và Dương Vân Nga trở thành Hoàng Hậu.

## Lê Đại Hành (980-1005)

Lê Hoàn sinh năm (941) ở Xuân Lập, Thọ Xuân, Thanh Hóa trong một gia đình nghèo khổ "cha dờ đó, mẹ xó chùa". Cha là Lê Mịch, mẹ là Đặng Thị Sen đều lần lượt qua đời khi Lê Hoàn còn nhỏ tuổi. Bởi vậy, cũng ngay từ nhỏ, Lê Hoàn phải làm con nuôi cho một vị quan nhỏ, người cùng họ. Lớn lên, Lê Hoàn đi theo Nam Việt Vương Đinh Liễn. Dù chỉ là lính thường nhưng trí dũng khác thường và tính tình phóng khoáng nên được cha con Đinh Bộ Lĩnh yêu mến. Trong cuộc đánh các sứ quân, Lê Hoàn tỏ rõ là người có tài nên được Đinh Bộ Lĩnh giao cho trông coi 2000 binh sĩ. Đến khi binh quân yên, nước nhà thống nhất và lập nên cơ nghiệp nhà Đinh, Lê Hoàn được phong chức Thập đạo tướng quân, Điện tiền đô chỉ huy sứ (tổng chỉ huy quân đội kiêm chỉ huy đội quân cấm vệ) của triều đình Hoa Lư. Lúc này Lê Hoàn vừa tròn 30 tuổi.

Tháng 10 năm Kỷ Mão (979), cha con Đinh Tiên Hoàng bị Đỗ Thích giết hại, Đinh Toàn 6 tuổi lên ngôi vua, Lê Hoàn làm nhiếp chính, trong một tình thế đầy khó khăn. Các đại thần Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Phạm Hạp nổi loạn nhưng đã bị Lê Hoàn dẹp tan. Ngô Nhật Khánh, phò mã nhà Đinh, bỏ trốn vào Nam rước vua Champa cùng hơn ngàn chiến thuyền toan cướp kinh đô Hoa Lư nhưng bị bão đắm chìm. Tháng 7 năm Canh Thìn (980) đại quân Tống theo 2 đường thủy và bộ xâm lược Đại Cồ Việt. Lê Hoàn lúc này đã lên ngôi hoàng đế tức Lê Đại hành. Vừa điều động lực lượng để chiến đấu vừa sai sứ đưa thư cầu hòa. Vua Tống đòi Dương Vân Nga và con là Đinh Toàn sang chầu. Tình thế bức bách, Lê Hoàn buộc phải cho quân đánh giặc quyết bảo vệ đất nước. Ông đã tái tạo một Bạch Đằng, sáng tạo một Chi Lăng, thắng lớn trên cả hai mặt trận thủy bộ, giết tướng giặc Hầu Nhân Bảo, diệt quá nửa quân Tống, buộc vua Tống phải xuống chiếu lui quân.

Đại thắng năm Tân Tị (981) đã mở đầu kỷ nguyên Đại Việt thắng phong kiến phương Bắc.

Không chậm trễ, Lê Hoàn dốc sức chăm lo xây dựng và bảo vệ đất nước. Bên trong, Lê Hoàn chống cát cứ, xây dựng cơ sở của nền kinh tế. Đối với bên ngoài ông thi hành chính sách ngoại giao mềm dẻo không khéo nhưng kiên quyết bảo vệ nền độc lập của đất nước. Ông là bị vua nội trị, ngoại giao đều xuất sắc.